

Bản án số: 22/2025/DS-ST
Ngày: 28-4-2025
V/v tranh chấp hợp đồng sử dụng
thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Kim Ngân
- Bà Nguyễn Thị Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 3067/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Trụ sở: 2 N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970; Căn cước công dân số: 03707000...; địa chỉ: 2 N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 135/2024/UQ-TGD ngày 09/10/2024) – Vắng mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị Quỳnh N, sinh năm 1980; Chứng minh nhân dân: 023616... cấp ngày 14/12/2007; địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: D H, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 11/8/2011, bà Trần Thị Quỳnh N và Ngân hàng ký kết Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bị đơn, Nguyên đơn đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 463.596.408 đồng. Quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt cho đến nay, bị đơn đã thanh toán cho Nguyên đơn số tiền là 517.297.723 đồng. (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Nguyên đơn). Nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không có ý định thanh toán nợ. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 Bản điều khoản và Điều kiện của Nguyên đơn).

Ngày 23/01/2023, Nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Trần Thị Quỳnh N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/01/2023, Nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng). Nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 10.212.746 đồng sang nợ quá hạn (gọi là nợ gốc) và tính lãi quá hạn hàng tháng trên dư nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, lãi suất trong hạn là 2,77%/tháng $\times 150\% = 4,155\%$ /tháng lãi quá hạn).

Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Nguyên đơn, Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc bị đơn bà Trần Thị Quỳnh N phải trả ngay cho Nguyên đơn tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/04/2025 là 21.893.294 đồng; trong đó: Dư nợ gốc: 10.212.746 đồng và lãi quá hạn: 11.680.548 đồng.
- Bà Trần Thị Quỳnh N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/4/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

2. Bị đơn là bà Trần Thị Quỳnh N: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục triệu tập hợp lệ theo quy định pháp luật, nhưng bị đơn không có văn bản phản hồi ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho

Tòa án, không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên vụ án không tiến hành hòa giải được và vắng mặt tại phiên tòa

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Ngân hàng TMCP S khởi kiện bà Trần Thị Quỳnh N tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường Đ, Quận A: *Bà Trần Thị Quỳnh N, sinh năm 1980 có đăng ký thường trú tại địa chỉ: D H, Khu phố A, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thực tế cư ngụ tại địa phương. Hiện bà N đang cư ngụ tại địa chỉ P Chung cư B N, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, ngoài ra không có thông tin khác*"; Theo kết quả xác minh của Công an P, quận B Thành phố Hồ Chí Minh: *Bị đơn không có đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú và không thực tế cư trú tại địa chỉ: P Chung cư B N, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện công dân Trần Thị Quỳnh N không có mặt tại địa phương.* Xác định, địa chỉ cư trú cuối cùng của bị đơn tại D H, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Trần Thị Quỳnh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; ông Lã Ngọc M đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu đề ngày 28/3/2025 xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng buộc bà Trần Thị Quỳnh N thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/4/2025 là 21.893.294 đồng;

trong đó: Nợ gốc: 10.212.746 đồng và lãi quá hạn: 11.680.548 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Bà Trần Thị Quỳnh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bằng văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp đã được công bố tại phiên tòa gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 11/8/2011; Bảng sao kê tài khoản ngân hàng của bà N từ ngày 11/8/2011 đến ngày 23/12/2024; Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định về mức lãi suất đối với thẻ tín dụng quốc tế; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng để Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Từ các chứng cứ trên xác định Ngân hàng có cho Trần Thị Quỳnh N vay tiền theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 11/8/2011, hạn mức sử dụng 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Theo đó, bà N được cấp thẻ tín dụng VS PayWave Ladies First số 486265-5467, hạn mức thẻ 30.000.000 đồng, quá trình sử dụng thẻ, bà N đã thực hiện các giao dịch tạm tính đến ngày 28/4/2025 với số tiền cụ thể như sau: Tiền thực hiện giao dịch: 463.596.408 đồng; phí trễ hạn: 4.511.046 đồng; Phí vượt hạn mức: 600.000 đồng; Phí trễ hạn: 1.867.000 đồng; Phí vượt hạn mức: 600.000 đồng; đã trả được 517.297.723 đồng. Thứ tự thanh toán được quy định tại Điều 21 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng theo lần lượt: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ; số nợ gốc còn nợ tính đến ngày chuyển nợ quá hạn 23/01/2023 là 10.212.746 đồng.

[6] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; ngày 23/01/2023, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, yêu cầu bà N phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng; việc chuyển nợ quá hạn đối với khoản tín dụng quá hạn là phù hợp với mục 4 Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; lãi, lãi suất chậm trả tại thời điểm xét xử sơ thẩm xác định theo quy định tại khoản 1, 3 và 4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP

ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[7] Từ những nhận định trên, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và tiền lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 11/8/2011 là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 18, 20, 21 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên có căn cứ để được chấp nhận.

[8] Số tiền gốc và lãi bị đơn phải trả đối với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 11/8/2011 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/4/2025 là 21.893.294 đồng, trong đó: 10.212.746 đồng và lãi quá hạn: 11.680.548 đồng. Bà Trần Thị Quỳnh N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/4/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn 21.893.294 đồng, án phí dân sự sơ thẩm là 1.094.665 đồng.

[10] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Trần Thị Quỳnh N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc là 10.212.746 đồng và lãi quá hạn tính đến ngày 28/4/2025 là 11.680.548 đồng. Tổng cộng là 21.893.294 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 29/4/2025 cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị Quỳnh N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 11/8/2011. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Quỳnh N chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.094.665 đồng.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 324.173 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0043873 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Ngân hàng TMCP S, bà Trần Thị Quỳnh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ việc.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Nguyễn Thị Phụng